

Bản án số: **57/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/08/2022

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Sô Phép

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Thị Ngân

Bà Trần Lệ Nga

*Thư ký phiên tòa:* Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/08/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Số nhà đường CL, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà đường C L, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

*2/ Bị đơn:* Anh Trần Quốc L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà đường LTT, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Ngọc T trình bày: Tôi và anh L tự quen biết, sau đó hai bên tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống nhờ nhà họ hàng tại số nhà đường LTT, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và có làm đơn ly hôn 01 lần nhưng vợ chồng hàn gắn chung sống lại, đến tháng 1/2020 mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, tôn trọng tôi và nhiều lần đánh tôi, tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ tháng 01/2021. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị Võ Ngọc T xác định có 01 người con chung tên Trần Minh Triết, sinh ngày 03/11/2018, hiện con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Quốc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Quốc L theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh L không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án là chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trần Quốc L chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, làm tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh L.

Về con chung: Hiện nay con chung tên Trần Minh Triết sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy trong trường hợp anh L phản đối yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung của chị T thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phải đối đó. Tuy nhiên từ khi Tòa án thụ lý đến nay anh L vẫn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản cũng như nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L với chị T.

Từ các cơ sở đã phân tích ở trên, căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 9, 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Ngọc T khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Trần Quốc L. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Quốc L vắng mặt không rõ lý do và chị T đồng ý xét xử vắng mặt anh L. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do tình hình dịch bệnh kéo dài và vụ án cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự quen biết tìm hiểu và chung sống như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, tôn trọng chị T và nhiều lần đánh chị T; từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 01/2021. Trong thời gian chị T, anh L sống ly thân thì vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Võ Ngọc T xác định có 01 người con chung tên Trần Minh Triết, sinh ngày 03/11/2018, hiện con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Trần Minh Triết cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Anh Trần Quốc L không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh L có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Ngọc T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc T được ly hôn với anh Trần Quốc L.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Minh Triết, sinh ngày 03/11/2018 cho chị Võ Ngọc T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Võ Ngọc T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001065 ngày 29/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THẠCH SÔ PHÉP**